

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2017/DS-ST

Ngày 17/8/2017

“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản giữa
anh T với anh Th”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Thế Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Hải

Ông Trần Anh Dũng

- Thư ký phiên toà: Bà Vi Thị Lan Phương, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bộ, Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2016/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2016 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2017/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2017, quyết định hoãn phiên tòa số 64C/2017/QĐST ngày 31/7/2017 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 1968 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn X, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh Th, sinh năm 1972 (đề nghị xét xử vắng mặt)

HKTT: thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Dương Thị Th - sinh năm 1972 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn X, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Chị Lưu Thị H - sinh năm 1982 (đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Dương Văn T trình bày:

Ngày 22/7/2013, anh Th đã đến nhà anh vay số tiền 50.000.000đ, hẹn đến ngày 14/10/2013 sẽ trả tiền, mục đích anh Th vay tiền là để lo cưới cho em vợ, không thỏa thuận tính lãi. Đến ngày 14/10/2013 anh Th không trả được nợ nên anh Th lại viết giấy khất nợ dưới hình thức “Giấy vay tiền” để hẹn đến ngày 20/10/2013 sẽ trả cả gốc và lãi, mức lãi suất thì anh Th nói người ta vay nợ nhau tính lãi như thế nào thì anh Th cũng trả anh như vậy chứ anh cũng không rõ lãi suất là bao nhiêu. Đến ngày 20/10/2013, anh Th vẫn không trả nợ anh nên ngày 27/3/2014 lại viết giấy khất nợ dưới dạng “Giấy vay tiền” đến ngày 12/4/2014 sẽ trả cho anh cả gốc và lãi theo anh Th tự tính tổng cộng là 68.500.000đ. Sau đó mặc dù anh đã đòi nhiều lần nhưng anh Th không trả nợ nên anh khởi kiện ra Tòa yêu cầu anh Th số tiền 68.500.000đ và không yêu cầu tiền lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh đề nghị tính lại tiền lãi. Khi cho anh Th vay tiền ngày 22/7/2013 thì không thỏa thuận lãi suất, đến khi khất nợ ngày 14/10/2013 thì hai bên mới thỏa thuận tính lãi suất. Nay anh yêu cầu anh Th và chị H phải trả cho vợ chồng anh 50.000.000đ tiền gốc và tiền lãi tính từ ngày 14/10/2013 đến khi xét xử theo mức lãi suất 0,75%/tháng.

Tại phiên toà: anh T giữ nguyên ý kiến.

Tại bản tự khai ngày 12/5/2017 và lời khai tiếp theo, bị đơn là anh Nguyễn Mạnh Th trình bày:

Ngày 14/10/2014, anh có viết giấy vay tiền anh Dương Văn T số tiền 50.000.000đ tiền gốc và lãi suất theo thỏa thuận thực tế là 3.000đ/triệu/ngày, hẹn đến ngày 20/10/2013 sẽ trả tiền nhưng anh không trả được như đã hẹn. Ngày 27/3/2014 anh đã viết giấy vay tiền 68.500.000đ vẫn với mức lãi suất như trên và hẹn đến ngày 12/4/2014 sẽ trả hết cả gốc và lãi. Từ đó đến nay anh vẫn chưa trả được nợ cho anh T. Nay anh T khởi kiện yêu cầu anh trả số tiền 68.500.000đ thì anh đồng ý nhưng đến khi nào đi cải tạo về thì anh sẽ trả nợ.

Do anh đang bị tạm giam nên anh xin vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử.

Tại phiên toà: anh Th vắng mặt.

Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai và các lời khai tiếp theo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Lưu Thị H trình bày:

Chị và anh Th kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Về số tiền 68.500.000 đồng mà anh T đòi vợ chồng chị phải trả thì chị không vay khoản tiền này. Chị cũng không được anh Th bàn bạc gì về việc đi vay tiền, chị cũng không được sử dụng khoản tiền này, nếu anh Th có vay của anh T thì anh Th có trách nhiệm trả nợ chứ chị không trả. Việc anh T trình bày khi anh Th vay tiền của anh T thì có nói là vay tiền để cho em trai chị cưới vợ thì đó chỉ là lý do anh Th đưa ra để vay được tiền chứ vợ chồng chị không phải là người có trách nhiệm cưới vợ cho em trai chị. Anh Th vay nợ rất nhiều nên chị không biết anh Th vay tiền để làm gì. Do chị xác định không liên quan gì đến việc vay nợ giữa chồng chị và anh T nên chị đề nghị vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: chị H vắng mặt.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/8/2017, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Dương Thị Th trình bày:

Số tiền 50.000.000đ mà chồng chị cho anh Th vay là tài sản chung của chị và anh T. Nay chị yêu cầu anh Th và chị H phải trả cho vợ chồng chị tiền gốc 50.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất 0,75%/tháng từ ngày 14/10/2013 đến khi xét xử vụ án. Chị đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án do anh Th giao lại cho chị nhưng do bận công việc nên chị không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa: Chị Th vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện T phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đều thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến đề nghị của các đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: anh T cho anh Th vay số tiền 50.000.000đồng với nhiều lần gia hạn trả nợ. Thời hạn cuối cùng phải trả là ngày 12/4/2014 nhưng anh Th vẫn không trả nợ. Đến ngày 11/3/2016, anh T khởi kiện. Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý giải vụ án theo thủ tục tố tụng dân sự là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên tòa, anh Th, chị H đã có đề nghị giải quyết vắng mặt. Chị Th vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự trên là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về yêu cầu đòi tiền của nguyên đơn: Theo lời trình bày của anh T và nội dung “Giấy vay tiền” ngày 14/10/2013 do anh Th viết thì hai bên đều thừa nhận, ngày 22/7/2013 anh Th vay của anh T 50.000.000đ nhưng do anh Th không trả được nợ nên đã khát nợ vào ngày 14/10/2013 thể hiện dưới hình thức “Giấy vay tiền” hẹn đến ngày 20/10/2013 sẽ trả nợ. Đến ngày 27/3/2014 anh Th vẫn chưa trả nợ được nên đã tự tính tổng số tiền gốc 50.000.000đ cộng với tiền lãi 18.500.000đ và viết thành “Giấy vay tiền” 68.500.000đ hẹn đến ngày 12/4/2014 sẽ trả hết nợ nhưng đến nay bên vay vẫn chưa trả nợ cho bên cho vay là vi phạm thỏa thuận dẫn đến anh T khởi kiện ra Tòa, tranh chấp phát sinh giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Anh T yêu cầu anh Th phải trả

số tiền đã vay và tiền lãi là có căn cứ, cần buộc anh Th phải trả cho vợ chồng anh T số tiền gốc đã vay 50.000.000 đồng và tiền lãi là phù hợp với quy định tại Điều 471, khoản 1, 5 Điều 474, khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

3. Về tiền lãi: Theo anh T tự thừa nhận, phù hợp với nội dung “Giấy vay tiền” ngày 14/10/2013 thì khi cho vay ngày 22/7/2013 không thỏa thuận tính lãi, đến ngày 14/10/2013 hai bên bắt đầu tính lãi khoản vay. Về mức lãi suất, theo anh Th là 3000đ/triệu/ngày, còn anh T thì không biết anh Th tính lãi theo mức nào nên xác định đây là hợp đồng vay tiền có thời hạn và có lãi nhưng không rõ lãi suất. Nay anh T tự nguyện yêu cầu tính lãi lại theo mức 0,75%/tháng từ ngày 14/10/2013 đến ngày xét xử vụ án. Sự thỏa thuận này phù hợp với quy định quy định tại khoản 5 Điều 474, khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 nên HĐXX áp dụng mức lãi suất 0,75%/tháng cho cả lãi trong hạn và quá hạn để tính tiền lãi từ ngày 14/10/2013 đến ngày 17/8/2017 là: $50.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% = 375.000 \text{ đồng/tháng} = 12.500 \text{ đồng/ngày}$. $375.000 \text{ đồng} \times 46 \text{ tháng} + 12.500 \text{ đồng} \times 03 \text{ ngày} = 17.287.500 \text{ đồng}$. Tổng tiền gốc và lãi là 67.287.500 đồng.

4. Về nghĩa vụ trả tiền: Anh T cho rằng khi vay tiền anh Th nói mục đích vay tiền để lo cưới vợ cho em vợ nhưng thực tế anh Th dùng tiền vay vào việc gì thì anh cũng không biết. Mặc dù anh Th và chị H là vợ chồng hợp pháp nhưng khi giao kết hợp đồng vay tiền thì chị H không có mặt. Chị H không biết, không dùng khoản tiền vay này nên không có căn cứ xác định anh Th dùng khoản tiền vay phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình của anh. Vì vậy, không có căn cứ buộc chị H phải trả nợ cùng anh Th như anh T và Chị Th yêu cầu. Số tiền anh T cho anh Th vay là tài sản chung của vợ chồng anh T nên buộc anh Th phải trả cho anh T và Chị Th là đúng quy định.

5. Về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền: Do hai bên đương sự không thỏa thuận được mức lãi suất chậm trả tiền nên HĐXX áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để ấn định mức lãi suất chậm trả tiền.

6. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh T được chấp nhận nên anh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 là $67.287.500 \text{ đồng} \times 5\% = 3.364.375 \text{ đồng}$. Anh T được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 471, khoản 1, 5 Điều 474, khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh Án phí lệ phí Tòa án năm 2009.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn T đối với anh Nguyễn Mạnh Th.

1. Buộc anh Nguyễn Mạnh Th phải trả cho anh Dương Văn T và chị Dương Thị Th số tiền cả gốc và lãi là 67.287.500 đồng (sáu mươi bảy triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí: anh Nguyễn Mạnh Th phải chịu 3.364.375 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Dương Văn T số tiền 1.712.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2014/0000759 ngày 08 tháng 4 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thế Đăng